

Số: 18./2024/CBTT-HIO

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

### 1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Helio Energy

- Mã chứng khoán: HIO
- Địa chỉ: Số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: (024)3 226 3333
- Email: info@helioenergy.vn

### 2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Helio Energy công bố thông tin các nội dung sau:

- Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024;
- Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh bán niên năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/07/2024 tại đường dẫn <https://helioenergy.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

### Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Công văn số 10/2024/CV-HIO về việc Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh bán niên năm 2024.

### Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền công bố thông tin



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Bùi Tuấn Dương

## **Công ty Cổ phần Helio Energy**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



# Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



# Công ty Cổ phần Helio Energy

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 40

0105  
CỔ  
CỔ  
H  
EN  
VANH

# Công ty Cổ phần Helio Energy

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2024.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Lan	Thành viên	
Ông Bùi Tuấn Dương	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên	
	Thành viên độc lập	

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024
Ông Phan Thành Đạt	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là Ông Phan Thành Đạt.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Helio Energy

## BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Người đại diện theo pháp luật cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Người đại diện theo pháp luật cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Theo ý kiến của Người đại diện theo pháp luật, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đề ngày 26 tháng 7 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Người đại diện theo pháp luật



Phan Thanh Đạt  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

Số tham chiếu: 13664222/E-68360680/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Helio Energy**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 7 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty***

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 chưa được soát xét hoặc kiểm toán.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Đức Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>30.022.484.322</b>	<b>29.764.153.013</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>4.183.278.657</b>	<b>3.357.152.990</b>
111	1. Tiền		183.278.657	3.357.152.990
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	10.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>13.979.540.693</b>	<b>23.640.905.747</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	11.865.020.244	22.602.925.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	2.102.599.666	1.034.437.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		11.920.783	3.543.747
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>506.652.775</b>	<b>537.095.181</b>
141	1. Hàng tồn kho	7	506.652.775	537.095.181
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.353.012.197</b>	<b>2.228.999.095</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	900.041.511	922.409.024
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		452.970.686	1.306.590.071
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>225.750.529.130</b>	<b>226.639.177.596</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>830.000.000</b>	<b>830.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	830.000.000	830.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>38.627.465.514</b>	<b>40.710.756.156</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	38.627.465.514	40.710.756.156
222	Nguyên giá		53.073.074.935	53.073.074.935
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(14.445.609.421)	(12.362.318.779)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>1.826.838.757</b>	<b>1.906.266.529</b>
231	1. Nguyên giá		2.382.833.161	2.382.833.161
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(555.994.404)	(476.566.632)
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>184.031.320.479</b>	<b>182.606.106.154</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		184.805.500.000	184.805.500.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(774.179.521)	(2.199.393.846)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>434.904.380</b>	<b>586.048.757</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	434.904.380	586.048.757
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>255.773.013.452</b>	<b>256.403.330.609</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>35.965.921.728</b>	<b>39.109.521.991</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>11.695.921.728</b>	<b>12.199.521.991</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.856.889.217	1.935.323.793
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	706.953.944	902.432.167
314	3. Phải trả người lao động		203.500.000	1.042.388.159
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.699.446.779	3.239.377.872
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		163.250.000	-
320	6. Vay ngắn hạn	17	5.260.000.000	5.080.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	16	805.881.788	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>24.270.000.000</b>	<b>26.910.000.000</b>
338	1. Vay dài hạn	17	24.270.000.000	26.910.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>219.807.091.724</b>	<b>217.293.808.618</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>219.807.091.724</b>	<b>217.293.808.618</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.000.000.000	210.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.807.091.724	7.293.808.618
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		6.487.926.830	2.452.334.695
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		3.319.164.894	4.841.473.923
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>255.773.013.452</b>	<b>256.403.330.609</b>

Đỗ Thị Trang  
Người lập biểu

Lê Thị Trang  
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	17.037.389.684	18.929.567.566
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	19	17.037.389.684	18.929.567.566
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	10.467.255.952	11.274.910.604
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		6.570.133.732	7.654.656.962
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		89.481.169	1.051.998
22	7. Chi phí tài chính	21	(155.439.372)	1.840.084.352
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.269.438.953	1.495.870.413
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	2.944.974.893	3.047.697.886
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		3.870.079.380	2.767.926.722
31	11. Thu nhập khác		133.354.303	1.423.634
32	12. Chi phí khác		14.875.443	8.748.897
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác [40 = 31 - 32]		118.478.860	(7.325.263)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		3.988.558.240	2.760.601.459
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	669.393.346	350.820.953
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		3.319.164.894	2.409.780.506

  
Đỗ Thị Trang  
Người lập biểu

  
Lê Thị Trang  
Kế toán trưởng

  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
HELIO  
ENERGY  
Phan Thành Đạt  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>3.988.558.240</b>	<b>2.760.601.459</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		2.162.718.414	2.145.684.780
03	(Hoàn nhập)/Trích lập các khoản dự phòng		(1.425.214.325)	343.701.939
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(88.647.595)	(1.051.998)
06	Chi phí lãi vay	21	1.269.438.953	1.495.870.413
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>5.906.853.687</b>	<b>6.744.806.593</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		10.514.984.439	(2.936.854.008)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		30.442.406	(308.271.209)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(1.304.932.057)	428.392.015
12	Giảm chi phí trả trước		173.511.890	782.307.118
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.276.538.022)	(1.501.247.674)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(846.844.271)	(64.971.345)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>13.197.478.072</b>	<b>3.144.161.490</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.000.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		88.647.595	4.581.051.998
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(9.911.352.405)</b>	<b>4.581.051.998</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
34	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Tiền trả nợ gốc vay		(2.460.000.000)	(2.540.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(2.460.000.000)	(2.540.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		826.125.667	5.185.213.488
60	Tiền đầu kỳ		3.357.152.990	180.434.446
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	4.183.278.657	5.365.647.934



Đỗ Thị Trang  
Người lập biểu



Lê Thị Trang  
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2024.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 39 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 40 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

### Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 26 công ty con đầu tư trực tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2024: 26 công ty con trực tiếp). Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau:

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Apollo Power 2	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	Tầng 8, số 152 Phó Đức Chính, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
5	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Minh, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
6	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
7	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
8	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
9	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
10	Công ty TNHH KCP Energy	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
11	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
12	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
14	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
15	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 26 công ty con đầu tư trực tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2024: 26 công ty con trực tiếp). Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
16	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
17	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
18	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
19	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
20	Công ty TNHH Solar Việt	100%	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
21	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	Thôn 2, Xã Cư Ê Wí, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
22	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	Thôn 2, Xã Cư Ê Wí, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
23	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
24	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
26	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày đề ngày 26 tháng 7 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa sổ dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |  |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ | - | Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang       | - | Các chi phí mua ngoài, chi phí lao động trực tiếp và các chi phí khác cho các hợp đồng đang thực hiện. |

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa sổ dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.6 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
Máy móc, thiết bị	10 – 15 năm
Tấm pin mặt trời	15 năm
Phương tiện truyền dẫn	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty và các công ty điện lực và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng điện mua bán hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Đơn giá bán bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Doanh thu cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.15 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Người đại diện theo pháp luật xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

**3.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 1 tháng 1 năm 2024</i>
Tiền mặt	95.483.000	289.556.000
Tiền gửi ngân hàng	87.795.657	3.067.596.990
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.183.278.657</u></b>	<b><u>3.357.152.990</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm khoản tiền gửi tại Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực với kỳ hạn gốc 1 tháng và hưởng lãi suất 4%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 1 tháng 1 năm 2024</i>
Hợp đồng tiền gửi	10.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>

Hợp đồng tiền gửi tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm khoản tiền gửi tại Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực với kỳ hạn gốc là 4 tháng và hưởng lãi suất 4,6%/năm.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 1 tháng 1 năm 2024</i>
Phải thu từ khách hàng	6.149.660.244	5.657.005.000
<i>Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai</i>	<i>208.895.500</i>	<i>199.778.000</i>
<i>Công ty Điện lực Bình Thuận</i>	<i>245.996.940</i>	<i>224.615.746</i>
<i>Công ty Điện lực Bình Dương</i>	<i>178.482.714</i>	<i>173.140.274</i>
<i>Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu</i>	<i>189.725.090</i>	<i>178.830.980</i>
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	<i>5.326.560.000</i>	<i>4.880.640.000</i>
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	5.715.360.000	16.945.920.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.865.020.244</b>	<b>22.602.925.000</b>

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 1 tháng 1 năm 2024</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	998.099.666	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Điện Huy Hoàng	700.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	404.500.000	404.500.000
Công ty TNHH Phú Gia Construction	-	629.937.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.102.599.666</b>	<b>1.034.437.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 1 tháng 1 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	376.665.686	-	387.561.999	-
Thiết bị, phụ tùng thay thế	123.087.089	-	135.733.182	-
Nguyên vật liệu	6.900.000	-	13.800.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>506.652.775</b>	<b>-</b>	<b>537.095.181</b>	<b>-</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
	<b>Ngắn hạn</b>	
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	703.021.145	887.161.037
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	197.020.366	35.247.987
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>900.041.511</b>	<b>922.409.024</b>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	401.836.008	567.717.168
Chi phí trả trước dài hạn khác	33.068.372	18.331.589
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>434.904.380</b>	<b>586.048.757</b>

**9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
	Các khoản đặt cọc	830.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>830.000.000</b>	<b>830.000.000</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu dài hạn từ các bên khác</i>	830.000.000	400.000.000
<i>Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	-	430.000.000

## Công ty Cổ phần Helio Energy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện truyền dẫn	Tấm pin mặt trời	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	229.077.040	18.598.727.600	102.201.818	5.666.822.582	28.476.245.895	53.073.074.935	
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	229.077.040	18.598.727.600	102.201.818	5.666.822.582	28.476.245.895	53.073.074.935	
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	45.998.004	4.930.909.898	16.026.269	1.653.219.573	5.716.165.035	12.362.318.779	
- Khấu hao trong kỳ	7.635.900	822.320.682	17.033.634	287.092.236	949.208.190	2.083.290.642	
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	53.633.904	5.753.230.580	33.059.903	1.940.311.809	6.665.373.225	14.445.609.421	
<b>Giá trị còn lại:</b>							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	183.079.036	13.667.817.702	86.175.549	4.013.603.009	22.760.080.860	40.710.756.156	
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	175.443.136	12.845.497.020	69.141.915	3.726.510.773	21.810.872.670	38.627.465.514	

Công ty đã sử dụng toàn bộ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 38,6 tỷ VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 là 40,6 tỷ VND) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

*Đơn vị tính: VND*

*Nhà cửa, vật kiến trúc*

**Nguyên giá:**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	<u>2.382.833.161</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>2.382.833.161</u>

**Giá trị khấu hao lũy kế:**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	476.566.632
- Hao mòn trong kỳ	<u>79.427.772</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>555.994.404</u>

**Giá trị còn lại:**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	<u>1.906.266.529</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>1.826.838.757</u>

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm hệ thống khung giàn nhà xưởng do Công ty sở hữu và vận hành cho thuê.

Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ mục đích xác định giá trị hợp lý.

Công ty đã sử dụng toàn bộ bất động sản đầu tư làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 17.

## Công ty Cổ phần Helio Energy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 1 tháng 1 năm 2024		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Công ty TNHH Apollo Power 2	10.037.500.000	-	10.037.500.000	-	
Công ty TNHH Apollo Power 4	10.095.000.000	(109.645.890)	10.095.000.000	(455.354.300)	
Công ty TNHH Ampire Power 4	10.050.000.000	-	10.050.000.000	-	
Công ty TNHH Omega Power 3	10.100.000.000	(299.689.866)	10.100.000.000	(340.621.754)	
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	10.023.000.000	-	10.023.000.000	-	
Công ty TNHH Bức Tiến Mới Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	
Công ty TNHH KCP Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	
Công ty TNHH New Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	
Công ty TNHH Two Brothers Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	
Công ty TNHH Solar Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	6.000.000.000	-	6.000.000.000	(41.127.831)	
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	6.000.000.000	(193.138.818)	6.000.000.000	(114.915.603)	
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	6.000.000.000	(171.704.947)	6.000.000.000	(641.891.664)	
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	(605.482.694)	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>184.805.500.000</b>	<b>(774.179.521)</b>	<b>184.805.500.000</b>	<b>(2.199.393.846)</b>	

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con tại ngày kết thúc kỳ kế toán do đây là các công ty chưa niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

Thông tin chi tiết về các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 1 tháng 1 năm 2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Amber Capital	1.546.646.807	1.546.646.807	769.781.575	769.781.575
Phải trả đối tượng khác	310.242.410	310.242.410	1.165.542.218	1.165.542.218
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.856.889.217</b>	<b>1.856.889.217</b>	<b>1.935.323.793</b>	<b>1.935.323.793</b>
Trong đó:				
Phải trả cho các bên khác	1.856.889.217	1.856.889.217	1.165.542.218	1.165.542.218
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 25)	-	-	769.781.575	769.781.575

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 1 tháng 1 năm 2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	846.844.271	669.393.346	846.844.271	669.393.346
Thuế thu nhập cá nhân	55.587.896	254.433.914	272.461.212	37.560.598
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>902.432.167</b>	<b>928.827.260</b>	<b>1.124.305.483</b>	<b>706.953.944</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
Chi phí dịch vụ quản lý và vận hành	2.669.543.108	2.327.375.132
Chi phí lãi vay	19.903.671	27.002.740
Các khoản trích trước khác	10.000.000	885.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.699.446.779</b>	<b>3.239.377.872</b>

**16. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	-	-
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	805.881.788	-
Sử dụng trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>805.881.788</b>	<b>-</b>

## Công ty Cổ phần Helio Energy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. VAY

Đơn vị tính: VND

	Ngày 1 tháng 1 năm 2024		Số phát sinh trong kỳ		Phân loại lại theo lịch trả nợ		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>								
Vay dài hạn đến hạn trả	5.080.000.000	5.080.000.000	-	2.460.000.000	2.640.000.000	-	5.260.000.000	5.260.000.000
	<b>5.080.000.000</b>	<b>5.080.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.460.000.000</b>	<b>2.640.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.260.000.000</b>	<b>5.260.000.000</b>
<b>Vay dài hạn</b>								
Vay ngân hàng và công ty tài chính	26.910.000.000	26.910.000.000	-	-	-	2.640.000.000	24.270.000.000	24.270.000.000
	<b>26.910.000.000</b>	<b>26.910.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.640.000.000</b>	<b>24.270.000.000</b>	<b>24.270.000.000</b>
	<b>31.990.000.000</b>	<b>31.990.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.460.000.000</b>	<b>2.640.000.000</b>	<b>-</b>	<b>29.530.000.000</b>	<b>29.530.000.000</b>

Chi tiết các khoản vay của Công ty như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	22.990.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 6 năm 2029.	8%	Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty; - 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power - công ty mẹ của Công ty; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của các dự án điện mặt trời trên mái nhà và quyền khai thác, quản lý dự án đầu tư.
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	6.540.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 11 năm 2027.	8,9% - 9,15%	Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.530.000.000</b>			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	5.260.000.000			
Vay dài hạn	24.270.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	210.000.000.000	2.452.334.695	212.452.334.695
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	2.409.780.506	2.409.780.506
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>210.000.000.000</u>	<u>4.862.115.201</u>	<u>214.862.115.201</u>
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	210.000.000.000	7.293.808.618	217.293.808.618
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	3.319.164.894	3.319.164.894
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(805.881.788)	(805.881.788)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>210.000.000.000</u>	<u>9.807.091.724</u>	<u>219.807.091.724</u>

(\*) Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

**18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 1 tháng 1 năm 2024	
	Tổng giá trị (VND)	Cổ phiếu thường	Tổng giá trị (VND)	Cổ phiếu thường
Công ty Cổ phần Helio Power	145.560.000.000	14.556.000	145.560.000.000	14.556.000
Vốn góp của các cổ đồng khác	64.440.000.000	6.444.000	64.440.000.000	6.444.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>210.000.000.000</u></b>	<b><u>21.000.000</u></b>	<b><u>210.000.000.000</u></b>	<b><u>21.000.000</u></b>

**18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu kỳ	<u>210.000.000.000</u>	<u>210.000.000.000</u>
Số cuối kỳ	<u>210.000.000.000</u>	<u>210.000.000.000</u>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b>	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.4 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
	Số cổ phần	Số cổ phần
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>21.000.000</b>	<b>21.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 1 tháng 1 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Tổng doanh thu</b>		
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	11.675.638.520	13.676.500.000
Doanh thu bán điện	5.339.001.164	5.253.067.566
Doanh thu cho thuê	22.750.000	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>17.037.389.684</b>	<b>18.929.567.566</b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	8.534.231.464	12.342.567.566
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	8.503.158.220	6.587.000.000

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	7.400.864.815	8.294.013.635
Giá vốn bán điện	2.965.458.614	2.980.896.969
Giá vốn cho thuê	100.932.523	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.467.255.952</b>	<b>11.274.910.604</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí lãi vay (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	1.269.438.953 (1.425.214.325)	1.495.870.413 343.701.939
Chi phí tài chính khác	336.000	512.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>(155.439.372)</u></b>	<b><u>1.840.084.352</u></b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nhân viên quản lý	1.089.060.770	1.236.829.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.755.188.572	1.756.522.096
Chi phí khác	100.725.551	54.346.725
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.944.974.893</u></b>	<b><u>3.047.697.886</u></b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nhân công	4.694.516.605	5.590.089.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	2.162.718.414	2.145.684.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.398.083.411	6.737.833.104
Chi phí khác	146.016.102	143.472.212
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.401.334.532</u></b>	<b><u>14.617.079.699</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	669.393.346	350.820.953
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>669.393.346</b>	<b>350.820.953</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế và thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.988.558.240</b>	<b>2.760.601.459</b>
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận</b>		
Chi phí không được trừ	79.875.443	98.748.897
Chuyển lãi vay không được trừ các năm trước sang chi phí lãi vay được trừ trong kỳ	(721.466.951)	(434.012.227)
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(671.233.362)
<b>Lợi nhuận chịu thuế theo thuế suất thông thường 20%</b>	<b>3.346.966.732</b>	<b>1.754.104.767</b>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>669.393.346</b>	<b>350.820.953</b>

**24.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Helio Power Ông Phan Thành Đạt	Công ty mẹ Chủ tịch Hội đồng Quản trị (" HĐQT") từ ngày 15 tháng 4 năm 2024/Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc đến ngày 15 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch HĐQT đến ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc/ Người đại diện quản lý vốn góp của công ty mẹ
Ông Nguyễn Thanh Long Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên độc lập HĐQT Tổng Giám đốc từ ngày 11 tháng 6 năm 2024 Kế toán trưởng đến ngày 11 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Minh Đức Bà Nguyễn Thị Phương Bà Nguyễn Thị Thanh Hương Bà Lê Thị Trang Công ty Cổ phần Amber Capital	Trưởng Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát Kế toán trưởng từ ngày 11 tháng 6 năm 2024 Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 15 tháng 4 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20 tháng 3 năm 2024
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20 tháng 3 năm 2024
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20 tháng 3 năm 2024
Công ty TNHH Apollo Power 2	Công ty con
Công ty TNHH Apollo Power 4	Công ty con
Công ty TNHH Ampire Power 4	Công ty con
Công ty TNHH Omega Power 3	Công ty con
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Công ty con
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Công ty con
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Công ty con
Công ty TNHH KCP Energy	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Công ty con
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Công ty con
Công ty TNHH Two Brothers Energy	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Công ty con
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Solar Việt	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Công ty con
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Công ty con
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Ngọc Hà	Công ty con gián tiếp đến ngày 8 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 12 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm văn	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 8 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 13 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Bên liên quan khác đến ngày 20 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 20 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Apollo Power 4	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Omega Power 3	216.000.000	216.000.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH KCP Energy	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Solar Việt	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	144.000.000	147.500.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	144.000.000	147.500.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	144.000.000	147.500.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	144.000.000	147.500.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	144.000.000	147.500.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	144.000.000	147.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	144.000.000	147.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	144.000.000	147.500.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Ngọc Hà	Không còn là bên liên quan	147.500.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	144.000.000	147.500.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	74.422.000	72.000.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 3	217.238.740	432.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 2	217.238.740	432.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	218.258.740	432.000.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Long Văn	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NDT Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời NHY Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời NVP Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Sỹ Tiến	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu Tư Quang Trung Solar Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NVP Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NHY Việt Nam	144.000.000	Chưa là bên liên quan
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.503.158.220</b>	<b>6.587.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm: (tiếp theo)

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Mua hàng và sử dụng hàng hóa</b>		
Công ty Cổ phần Amber Capital	467.883.870	1.232.332.224
Công ty TNHH Alpha Solar 4	2.455.800	4.911.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>470.339.670</b>	<b>1.237.243.824</b>

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 1 tháng 1 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 1 tháng 1 năm 2024</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1) - Cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Apollo Power 4	155.520.000	469.440.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH Omega Power 3	116.640.000	352.080.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Solar Việt	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH KCP Energy	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	155.520.000	234.720.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:  
(tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 1 tháng 1 năm 2024</i>
<i>Bên liên quan</i>		
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1) - Cung cấp dịch vụ (tiếp theo)</i></b>		
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	77.760.000	117.360.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	77.760.000	117.360.000
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.715.360.000</u></b>	<b><u>16.945.920.000</u></b>
<b><i>Phải thu khác (Thuyết minh số 9) – Đặt cọc thuê văn phòng</i></b>		
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	430.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>430.000.000</u></b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13) – Mua dịch vụ</i></b>		
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	769.781.575
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>769.781.575</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Thù lao Hội đồng Quản trị</b>	<b>137.500.000</b>	<b>150.000.000</b>
Bà Nguyễn Thị Lan	35.000.000	60.000.000
Ông Phan Thành Đạt	42.500.000	30.000.000
Ông Nguyễn Thanh Long	30.000.000	30.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	30.000.000	30.000.000
<b>Lương, thưởng và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>	<b>778.966.339</b>	<b>929.606.360</b>
Ông Phan Thành Đạt	223.789.739	357.712.000
Ông Bùi Tuấn Dương	266.139.200	294.379.493
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	257.459.200	277.514.867
Bà Lê Thị Trang	31.578.200	-
<b>Thù lao Ban Kiểm soát</b>	<b>66.000.000</b>	<b>66.000.000</b>
Ông Trần Minh Đức	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	18.000.000	18.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>982.466.339</b>	<b>1.145.606.360</b>

**26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau, bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- ▶ Bộ phận sản xuất điện;
- ▶ Bộ phận cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý;
- ▶ Bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê hoạt động và hoạt động nông nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật cũng xác định hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

## Công ty Cổ phần Helio Energy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động sản xuất điện	Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Hoạt động khác	Đơn vị tính: VND
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>				
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	5.339.001.164	11.675.638.520	22.750.000	17.037.389.684
Tổng doanh thu	5.339.001.164	11.675.638.520	22.750.000	17.037.389.684
<b>Kết quả</b>				
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	2.373.542.550	4.274.773.705	(78.182.523)	6.570.133.732
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)				(2.581.575.492)
Lợi nhuận thuần trước thuế				3.988.558.240
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(669.393.346)
Lợi nhuận thuần sau thuế				3.319.164.894
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	225.799.789.903	13.521.185.352	1.826.838.757	241.147.814.012
Tài sản không phân bổ (ii)				14.625.199.440
Tổng tài sản				255.773.013.452
Công nợ bộ phận	40.891.730	2.945.728.208	163.250.000	3.149.869.938
Công nợ không phân bổ (iii)				32.816.051.790
Tổng công nợ				35.965.921.728
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.257.607.164	-	79.427.772	2.337.034.936

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)

	Hoạt động sản xuất điện	Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Hoạt động khác	Đơn vị tính: VND
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>				
Doanh thu	5.253.067.566	13.676.500.000	-	18.929.567.566
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	5.253.067.566	13.676.500.000	-	18.929.567.566
Tổng doanh thu	5.253.067.566	13.676.500.000	-	18.929.567.566
Kết quả	2.272.170.597	5.382.486.365	-	7.654.656.962
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận				(4.894.055.503)
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)				2.760.601.459
Lợi nhuận thuần trước thuế				(350.820.953)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				2.409.780.506
Lợi nhuận thuần sau thuế				
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 (*)</b>				
Tài sản và công nợ	227.461.352.091	23.237.662.686	1.917.162.842	252.616.177.619
Tài sản bộ phận				3.787.152.990
Tài sản không phân bổ (ii)				256.403.330.609
Tổng tài sản	227.461.352.091	23.237.662.686	1.917.162.842	252.616.177.619
Công nợ bộ phận	459.747.958	3.015.865.132	13.122.000	3.488.735.090
Công nợ không phân bổ (iii)				35.620.786.901
Tổng công nợ	459.747.958	3.015.865.132	13.122.000	39.109.521.991
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.324.861.628	-	-	2.324.861.628

- (i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác.
- (ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, phải thu khác, chi phí trả trước, thuế GTGT được khấu trừ và đầu tư tài chính dài hạn.
- (iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay không dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và quỹ khen thưởng phúc lợi.

(\*) Một số công nợ bộ phận, công nợ không phân bổ đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày số liệu kỳ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết về thuê hoạt động***

Công ty thuê đất, thuê mái nhà, thuê văn phòng và thuê các thiết bị theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
Đến 1 năm	3.654.552.274	3.134.318.012
Từ 1 – 5 năm	5.675.447.778	6.508.844.537
Trên 5 năm	9.160.334.930	9.404.824.997
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.490.334.982</b>	<b>19.047.987.546</b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Công ty hiện đang cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2024
Đến 1 năm	186.000.000	116.250.000
Từ 1 – 5 năm	643.250.000	736.250.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>829.250.000</b>	<b>852.500.000</b>

**28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

  
\_\_\_\_\_  
Đỗ Thị Trang  
Người lập biểu

  
\_\_\_\_\_  
Lê Thị Trang  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Phan Thành Đạt  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

  
M.S.D. 093047  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
HELIO  
ENERGY  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

  
Số - C.T.C.P.  
Y  
V  
Y  
HÀ NỘI

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024